



PRODUCTS CATALOGUE



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ BÌNH MINH

BINH MINH INDUSTRIAL AND SERVICES CO., LTD

☎ 0229 383 6555

✉ sales@abmchemical.com

🌐 abmchemical.com



TIÊN PHONG DẪN LỐI THÀNH CÔNG

- 03 Thế mạnh của chúng tôi
Did you know about us?
- 04 Phòng thí nghiệm và thiết bị kiểm tra
Laboratory & testing equipments
- 05 Tiêu chuẩn chúng tôi áp dụng
Our Standards
- 06 Sản phẩm của chúng tôi
Our Products
- 08 Nhựa kỹ thuật PP
PP Compound
- 11 Nhựa kỹ thuật ABS
ABS Compound
- 14 Nhựa kỹ thuật HIPS
HIPS Compound
- 15 Nhựa kỹ thuật PC
PC Compound
- 17 Nhựa kỹ thuật PC/ABS
PC/ABS Compound
- 19 Nhựa kỹ thuật PA6/PA66/PA46/PA12
PA6/PA66/PA46/PA12 Compound
- 22 Nhựa kỹ thuật PBT & POM
PBT & POM Compound
- 25 Danh mục sản phẩm
List of products
- 26 Công ty thành viên
Our team members
- 27 Khách hàng của chúng tôi
Our customers

ABM | MỤC LỤC TABLE OF CONTENTS



ABM | THẾ MẠNH CỦA CHÚNG TÔI DID YOU KNOW ABOUT US?



THUẬN TIỆN CONVENIENCE

Nằm ngay cạnh đường cao tốc, gần thủ đô, sân bay, cảng biển, cửa khẩu.....
Highway express, near the capital, airport, seaport, border gate...

VỀ VỊ TRÍ ĐỊA LÝ:

- Nhà máy của chúng tôi nằm giữa Khu công nghiệp Phúc Sơn, TP. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.
- Vị trí giao thông thuận tiện – dễ dàng kết nối với các mạng lưới giao thông chính của cả nước.

About geographical location:

- We located at Phúc Sơn Industrial Park in Ninh Binh City, Ninh Binh Province, Viet Nam
- Convenient traffic location - easy connecting to the main transport networks of the country

VỀ NHÂN SỰ:

TRẺ TRUNG YOUNG

Độ tuổi từ 25-35
Average age from 25-35

NĂNG ĐỘNG ACTIVIST

Năng động, sáng tạo, chịu áp lực công việc và khát vọng cống hiến
Dynamic, creative, work pressure & ambitious

KỸ NĂNG SKILLS

Kỹ năng làm việc chuyên nghiệp và liên tục được đào tạo
Working skill & professional training



102
TỔNG NHÂN VIÊN
EMPLOYEES

60 CÔNG NHÂN
/WORKER
9 NHÂN VIÊN QC
/QC STAFFS

6 NHÂN VIÊN NHÀ XƯỞNG
/WAREHOUSE STAFF
20 NHÂN VIÊN VĂN PHÒNG
/OFFICE STAFF

2 NHÂN VIÊN R&D
/R&D STAFF
5 NHÂN VIÊN KINH DOANH
/BUSINESS STAFF



20.000
MÉT VUÔNG
SQUARE METERS

16
DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT
PRODUCTION LINES

Về nhà máy sản xuất:

Chúng tôi có tổ hợp nhà xưởng, kho bãi rộng hơn 20.000 m², đủ đáp ứng nhu cầu sản xuất và lưu trữ hàng hóa

Về dây chuyền sản xuất:

Chúng tôi có tổng cộng 16 dây chuyền tạo hạt nhựa. Và đến cuối năm 2023 chúng tôi sẽ nâng tổng số máy lên 20 dây chuyền.

About the factory area:

We have a complex of factories and warehouses over 20,000 square meters, sufficient to meet production and storage needs.

About the Production lines:

We have total 16 Plastic Pelletizing Machine. And on the end of 2023 we will increase the total number of machines up to 20 lines

CHẤT LƯỢNG LÀ ƯU TIÊN HÀNG ĐẦU CỦA CHÚNG TÔI

Hệ thống nhà xưởng, máy móc hiện đại, được thiết kế và xây dựng theo tiêu chuẩn Châu Âu. Đảm bảo đầu ra đạt chất lượng sản phẩm, an toàn cho người lao động, chuẩn hóa các chỉ tiêu về khí thải và bảo vệ môi trường

QUALITY IS OUR PRIORITY

Modern factory system and machinery, designed and built according to European standards. Ensure output of product quality, safety for workers, and standardize indicators on emissions and environmental protection.



4.268
TẤN/THÁNG
TONS/MONTH

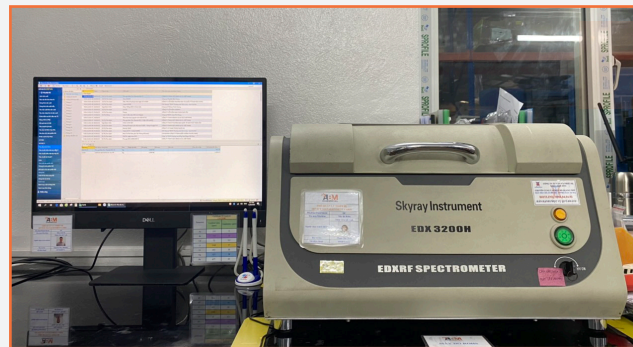
40.000
TẤN/NĂM
TONS/YEAR



MÁY ĐO NHIỆT CHẢY
MELT FLOW INDEXERS



MÁY ĐO TỈ TRỌNG
DENSITY METER



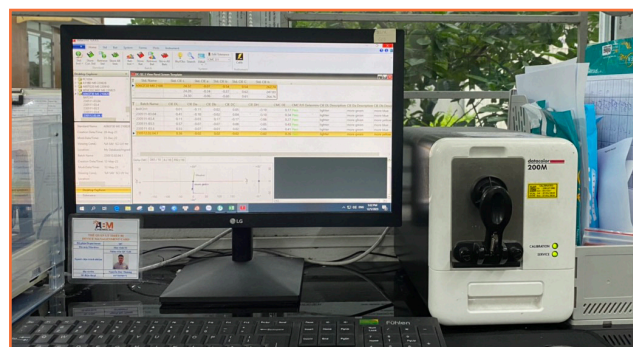
MÁY ĐO CHỈ SỐ KIM LOẠI NẶNG ROHS
ROSH TESTING EQUIPMENT



MÁY ĐO ĐỘ VA ĐẬP
IZOD IMPACT TESTING MACHINE



MÁY ÉP THẺ CHÍP
CHIP CARD PRESSING MACHINE



MÁY ĐO QUANG PHỔ MÀU
COLORIMETER

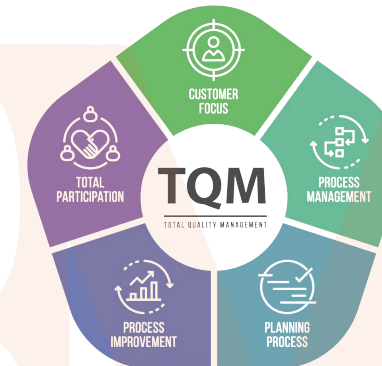


MÁY ĐO ĐỘ UỐN, ĐỘ KÉO DẪN
TENSILE/FLEX MACHINE

ISO 9001-2015, 5S & TQM

Dưới sự hướng dẫn của các chuyên gia tư vấn, ABM Chemical đã thành lập Ban ISO 9001-2015, 5S & TQM – Total Quality Management gồm 6 thành viên là lãnh đạo cấp cao của công ty và Trưởng nhóm cơ điện, phụ trách kho và phụ trách sản xuất về hành chính và nhân sự. Cùng với Ban kiểm soát, các chuyên gia tư vấn đã tổ chức đánh giá hiện trạng toàn bộ Công ty từ khu sản xuất đến văn phòng để có phương án triển khai phù hợp.

Under the guidance of consultants, ABM Chemical has established an ISO 9001-2015, 5S Committee & TQM – Total Quality Management consisting of 6 members who are senior leaders of the company and Head of electrical and mechanical group, in charge of warehouse and in charge of administrative and human resources. Together with the Supervisory Board, the consultants organized an assessment of the current status of the entire company from the production area to the office to have an appropriate implementation plan.



RoHS 1



RoHS 2



RoHS 3



5 SORT

SET IN ORDER

SHINE

STANDARDISE

SUSTAIN



STANDARDS

SẢN PHẨM CỦA CHÚNG TÔI



OUR PRODUCTS

ABM | NHỰA KỸ THUẬT PLASTIC COMPOUND



NHỰA KỸ THUẬT PP

PP COMPOUND

PP PHỨC HỢP

PP Compound là nhựa kỹ thuật được dựa trên gốc nhựa PP phối trộn với nhiều loại phụ gia và các chất gia cường như khoáng Talc, hạt/sợi thủy tinh, carbonblack dẫn điện, phụ gia chống cháy....theo các công thức khác nhau để đáp ứng đặc tính cụ thể của từng thành phẩm nhựa cuối cùng.

PP COMPOUND

PP (polypropylene) Compounds are made by adding functional additives to PP (homo, random, or impact), aimed at enhancing certain mechanical performance compared to neat PP. ABM Chemical's PP compound is categorized into many different grades according to their purpose (high stiffness, electro-conductivity, heat resistance, etc). PP compounds are primarily used for automobile and home appliance components.



PPGF/PPGB - PP GIA CƯỜNG SỢI/HẠT THỦY TINH

PPGF (PP GLASS FIBER COMPOUND) & PPGB (PP GLASS BEAD COMPOUND)

Đặc điểm:

Hạt nhựa kỹ thuật gia cường 20-50% sợi/hạt thủy tinh trên nền nhựa PP có khả năng:

- Tăng độ cứng sản phẩm
- Giảm sự co ngót của sản phẩm
- Tăng cường lực cho nền nhựa PP
- Tăng khả năng chịu nhiệt sản phẩm
- Chịu va đập tốt
- Chống mài mòn

Features:

- Higher dimensional stability
- Improved elastic modulus and creep strength
- Increased toughness
- Decrease thermal expansion coefficient
- Resistance to detergents and chemicals



Ứng dụng phổ biến:

- Các chi tiết, bộ phận, thành phần của Ô tô, xe máy
- Ngành thiết bị gia dụng
- Đồ điện tử, điện lạnh

Application:

- Automotive: (battery tray, pedal carrier, head lamp housing, brackets)
- Home appliances: (washing machine tubs, ironing boards, office furniture & chairs...)

PP-TALC (PP GIA CƯỜNG BỘT TALC)

PP-TALC (PP TALC COMPOUND)

Đặc điểm:

Hạt nhựa kỹ thuật gia cường 10-40% Talc trên nền nhựa PP có khả năng:

- Tăng cường độ uốn
- Cải thiện nhiệt độ biến dạng nhiệt và ổn định kích thước
- Cải thiện độ co ngót, ít cong vênh, hệ số giãn nở nhiệt thấp
- Dẫn nhiệt tốt
- Tăng độ cứng của bề mặt khuôn.

Hạt nhựa PP compound kỹ thuật 20% Bột talc và phụ gia, nguyên liệu này ứng dụng vào sản xuất các chi tiết xe máy và oto, các sản phẩm đòi hỏi độ định hình tốt, chịu nhiệt cao (120-130°C) trong thời gian dài.

Ứng dụng phổ biến:

- Các chi tiết, bộ phận, thành phần của Ô tô, xe máy: chắn bùn, mặt nạ
- Các chi tiết, bộ phận Ô tô, xe máy yêu cầu chịu được nhiệt độ cao (từ 120-130°C) trong thời gian dài

Features:

- Increased tensile strength
- Increased thermal resistance
- Improved creep strength
- Increased flexural modulus
- Decreased shrinkage
- Reduced warpage and thermal expansion
- Increased chemical resistance
- Increased scratch resistance
- Decreased cooling cycle & improved production efficiency
- Cost reduction

Application:

- Automotive parts (dashboards, door trims, mud guard, console...)
- Electrical parts
- Home appliances



PP BASO4 - PP GIA CƯỜNG MUỐI BARI SUNPHAT

PP BASO4 COMPOUND - PP BARIUM SULFATE COMPOUND



Đặc điểm:

Hạt nhựa kỹ thuật gia cường 30-50% BaSO4 trên nền nhựa PP có khả năng:

- Tăng độ bóng của sản phẩm
- Tăng độ cứng sản phẩm
- Tăng độ định hình sản phẩm
- Tăng nhiệt độ biến dạng
- Giảm độ co ngót sản phẩm

Ứng dụng phổ biến:

- Sản phẩm nhựa ngành cơ điện: Vỏ nồi cơm điện, thiết bị lọc nước, máy hút bụi...
- Ngành thiết bị gia dụng, thiết bị vệ sinh

Features:

- With 30-50% barium sulfate reinforced polypropylene, it will:
- Reduces product shrinkage,
- Increase deformation temperature.
- Increases the product fixation and the gloss of the product.

Application:

- Sanitary equipment
- Plastic products of the electro-mechanical industry: electric rice cookers, water purifiers, vacuum cleaners.



PP CACO3 - PP GIA CƯỜNG BỘT ĐÁ VÔI CANXI CACBONAT

PP CACO3 COMPOUND - PP CALCIUM CARBONATE COMPOUND

Đặc điểm:

Hạt nhựa kỹ thuật phối trộn 5-50% CaCO3 trên nền nhựa PP có khả năng:

- Giảm giá thành sản phẩm
- Tăng tỉ trọng của sản phẩm
- Tạo màu trắng sứ
- Tăng độ định hình sản phẩm
- Tăng độ cứng cho sản phẩm
- Giảm độ co ngót sản phẩm

Ứng dụng phổ biến:

- Các sản phẩm gia dụng: nồi cơm điện, bình nóng lạnh, xô, chậu...
- Các sản phẩm dùng 1 lần: cốc nhựa, bát nhựa, khay nhựa, dao thìa đĩa nhựa, ống hút,...

Features:

- Carboprene represents a family of Polipropylene Homopolymer and Copolymer filled with Calcium Carbonate on a ratio of 5-50% to:
- Reduce product cost
- Increase the weight of the product
- Create porcelain white color
- Increase product formability
- Increase product hardness
- Reduce product shrinkage

Application:

- Automotive parts (dashboards, door trims, mud guard, console...)
- Electrical parts
- Home appliances



Đặc điểm:

PP-H với độ dẫn điện từ được cải thiện.

- Điện trở suất âm lượng ≤ 10 mũ 6 Ω
- Điện trở suất bề mặt ≤ 10 mũ 6Ω.
- Độ ổn định cao hơn so với PP tiêu chuẩn.

Ứng dụng phổ biến:

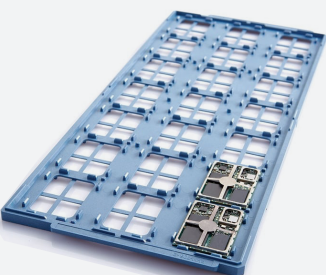
- Ngành công nghiệp điện, điện tử: Hộp đựng linh kiện điện tử, hộp kỹ thuật, hộp vi mạch ...

Features:

- PP-H improves electrical conductivity with volume resistivity and surface resistivity smaller than 10 to the power of 6 Ω, and has higher stability compared to the standard PP.

Application:

- Electronic: High temp matrix trays, Portable data carrier, Conductive transport enclosure, IC Chip carriers, IC trays
- Business Machines/Computers: Computer housing, Circuit board cover, Component covers, Modular jacks
- Industrial: Gas detection monitor, Commercial printer inkjet, Cable gland



PPFR – PP CHỐNG CHÁY

PP-FR (PP FLAME RETARDANT COMPOUND)

Đặc điểm:

Sản phẩm compound chống cháy: được pha trộn nhựa nền PP với các phụ gia chống cháy đạt tiêu chuẩn UL 94: V0, V1 và V2. Trong dòng sản phẩm chống cháy phân ra 2 loại:

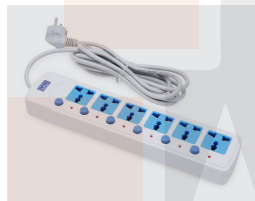
- Hệ chống cháy Halogene: Clo, Brom
- Hệ chống cháy nonHalogene: Mg(OH)2, Al(OH)3, Sb2O3, Phosphorous.

Đặc tính:

- Chịu nhiệt cao hơn PP tinh khiết, độ bền cơ khí, độ co kích thước nhỏ, mức ULV2-V0
- Chống cháy, ít khói, mật độ thấp, dễ tạo khuôn, mức độ ánh sáng cao, khả năng chịu lạnh tốt, dẻo dai & chịu tác động cao....

Ứng dụng phổ biến:

- Dùng để sản xuất đồ gia dụng, thiết bị điện, quạt sưởi, phụ tùng ô tô, nắp ổ cắm ống ti vi, nắp cầu chì, phụ kiện viễn thông...
- Những sản phẩm cần chống cháy



PP-UV / PP CHỐNG UV

PP-UV (UV STABILIZED PP COMPOUND)

Đặc điểm:

Sản phẩm compound chống tia UV: được pha trộn nhựa nền PP với các phụ gia kháng tia cực tím nhằm hạn chế và ngăn ngừa tác động gây thoái hóa do bởi tia cực tím cho nhựa và các thành phần có trong nhựa, có khả năng:

- Giữ được đặc tính quang học (độ trong), giữ được ngoại quan của sản phẩm (hạn chế sản phẩm bị rò, nứt, nổ vảy,...).
- Có nhiệt độ nóng chảy rất cao, độ bóng bề mặt tốt.



Ứng dụng phổ biến:

- Sản xuất màng phủ nông nghiệp, màng phủ nhà kính.
- Sản xuất lưới đánh cá, dây thùng
- Sản xuất bạt che, ghế sân vận động, sản phẩm sân vườn.
- Sản xuất dây truyền tải điện, hộp đấu nối ngoài trời
- Dụng cụ nấu ăn, nhu yếu phẩm hàng ngày, vỏ đồ điện (nồi cơm điện, máy nước uống, bình cà phê, cánh quạt điện)...

Features:

There are 2 kinds of PP Flame Retardant Compounds:

- Non-halogen
- Halogen

PP flame retardant compounds are commonly used in industrial electronics and electronic products with UL 94: V0, V1 and V2 standard.

Characteristic:

- Higher heat resistance than pure PP, mechanical strength, small size shrinkage, ULV2-V0 . level
- Fire resistant, low smoke, low density, easy to mold, high light level, better cold resistance, toughness & high impact...

Application:

- Automobile, motorbikes spare part, Living room furniture
- Used to manufacture household appliances, electrical equipment, fan heaters, auto parts, TV tube socket covers, fuse caps, telecommunication accessories...



NHỰA KỸ THUẬT ABS

ABS COMPOUND



ABS Compound là nhựa kỹ thuật được dựa trên gốc nhựa nguyên sinh ABS, phối trộn với nhiều loại phụ gia và các chất gia cường khác nhau như hạt hoặc sợi thủy tinh, carbonblack dẫn điện, phụ gia chống cháy....theo các công thức khác nhau để đáp ứng tính đặc cụ thể của từng thành phẩm nhựa cuối cùng. Chúng tôi cung cấp những dòng sản phẩm ABS compound mang nhãn hiệu ABM chính là :

- ABS chống tĩnh điện,
- ABS chống cháy,
- ABS gia cường thủy tinh,
- PC/ABS gia cường thủy tinh
- ABS màu được ứng dụng trong ngành công nghiệp.

ABS compound is an Acrylonitrile Butadiene Styrene that offers high impact properties and has good thermal, dimensional stability, and good scratch resistance. We provide the main product lines of ABS compound branded ABM's:

- ABS Compound coloring, color metallic.
- ABS compound with Glass Fiber (10/20/30/40%), Glass Bead
- ABS compound with Carbon Black conductive
- ABS blend PC with Fiber Glass
- Anti-static ABS Compound
- Flame retardant ABS Compound

ABS CHỐNG TĨNH ĐIỆN

ABS ANTISTATIC COMPOUND

Đặc điểm:

ABS ANTISTATIC có điện trở suất âm lượng và điện trở suất bề mặt khoảng 10 mũ 8 đến 10 mũ 10 Ω

- Ổn định nhiệt và chiều tốt
- Chống trầy xước tốt
- Đặc tính cách điện tốt
- Chịu nhiệt độ cao, hoạt động tối đa tới hơn 180 độ C.

Ứng dụng phổ biến:

- Ngành điện gia dụng
- Ngành linh kiện điện tử

Features:

ABS ANTISTATS compound is an acrylonitrile butadiene styrene that offers high impact properties and has good thermal, dimensional stability, and good scratch resistance.

The volume resistivity and surface resistivity is about 10 to the power of 8 to 10 to the power of 10.

Application:

- Industrial electronics
- Electronics



ABS COMPOUND MÀU

ABS COMPOUND COLOR, COLORING, COLOR METALLIC

Đặc điểm:

ABS COLOR, COLOR METALLIC không chỉ cải thiện bề mặt sản phẩm mà còn cải thiện tính chất sản phẩm nhựa

- Ổn định nhiệt và chiều tốt
- Chống trầy xước rất tốt
- Khó biến dạng, chịu va đập
- Đặc tính cách điện cực kì tốt
- Chịu nhiệt độ cao, hoạt động tối đa tới hơn 180 độ C.
- Không độc hại
- Dễ bám sơn, chống ăn mòn

Ứng dụng phổ biến:

- Ngành điện công nghiệp: vỏ điện thoại di động, hộp pin, đường dây điện...
- Ngành sản xuất máy móc thiết bị: các vỏ hộp, bánh răng, tay quay, thậm chí là khung chịu lực...
- Công nghiệp Ôtô, máy bay: kính đèn chiếu sáng, bảng điều khiển, vỏ xe của bảo vệ của xe hơi
- Vỏ tivi, tủ lạnh, máy sấy, máy rửa bát, đồ điện tử, điện lạnh
- Đồ chơi trẻ em: LEGO với nhiều hình dạng và màu sắc khác nhau, Ngoài ra vật liệu nhựa cao cấp này còn được sử dụng làm bình sữa, ti giả. Bởi trong thành phần của nó không chứa bất kỳ chất gây độc hại nào. Nên nó an toàn với sức khỏe của trẻ sơ sinh.

Features:

ABS COLOR, COLOR METALLIC not only improve product surface but also improve plastic product properties

- Good thermal and dimensional stability
- Very good scratch resistance
- Hard to deform, resistant to impact
- Extremely good electrical insulation properties
- High temperature resistance, maximum operation to more than 180 degrees Celsius.
- Non-toxic
- Easy to stick to paint, anti-corrosion

Application:

- Industrial electrical industry: mobile phone cases, battery boxes, power lines...
- Machinery and equipment manufacturing industry: boxes, gears, cranks, even bearing frames...
- Automotive industry, aircraft: glass lights, dashboards, protective door covers of cars
- Covers for TVs, refrigerators, dryers, dishwashers, electronics, refrigerators
- Children's toys: LEGO with many different shapes and colors, In addition, this high-quality plastic material is also used to make bottles, pacifiers. Because its composition does not contain any harmful substances. So it is safe for the health of babies.



ABS CHỐNG CHÁY

ABS FLAME RETARDANT COMPOUND

Đặc điểm:

Sản phẩm compound chống cháy: được pha trộn nhựa nền ABS với các phụ gia chống cháy, các cấp độ chống cháy theo tiêu chuẩn UL 94: V0, V1 và V2. Trong dòng sản phẩm chống cháy phân ra 2 loại:

- Hệ chống cháy Halogene: Clo, Brom
- Hệ chống cháy nonHalogene: Mg(OH)₂, Al(OH)₃, Sb₂O₃, Phosphorous.

Ứng dụng phổ biến:

- Ngành điện công nghiệp
- Linh kiện điện tử
- Công nghiệp Ôtô

Features:

Flammable retardant levels are following to UL 94: V0, V1 and V2 standard. There are 2 kinds of ABS Flame Retardant Compounds:

- Non-halogen
- Halogen
- ABS flame retardant compounds are best use in industrial electronics and electronic products.

Application:

- Electric Industry
- Electronic components
- Automotive industry



ABS GIA CƯỜNG THỦY TINH

ABS COMPOUND WITH GLASS FIBER

Đặc điểm:

ABS GF là sản phẩm compound nhựa ABS với sợi thủy tinh để gia cường cho nhựa nền ABS, giúp tăng độ cứng và nhiệt độ biến dạng HDT, nhiệt độ biến mềm VICAT. Vì tính chất nhựa ABS cứng nên phần trăm chất độn gia cường trong ABS-GF compound là từ 10-40%, có khả năng:

- Tăng độ cứng lớn, giảm độ biến dạng
- Tăng độ bền bỉ, dẻo dai

Ứng dụng phổ biến:

- Thiết bị điện tử, máy in và hộp mực máy in.
- Thiết bị dân dụng đòi hỏi độ cứng cao và giá thành hạ.
- Một số chi tiết trong ngành ô tô, xe máy....



Features:

ABS GF is a compound product of ABS plastic with glass fiber from 10-40% glass fiber reinforced acrylonitrile butadiene styrene offers high impact properties and has good thermal:

- It increases stiffness and deforming temperature:
- Increased endurance, toughness

Application:

- Electronic equipment, printers and printer cartridges.
- Civil equipment requires high rigidity and low cost.
- Some details in the automobile and motorbike industry....



NHỰA KỸ THUẬT HIPS

HIPS COMPOUND

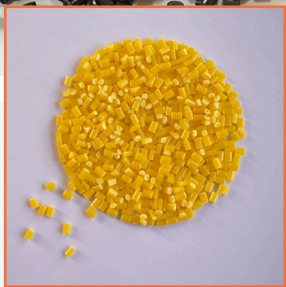
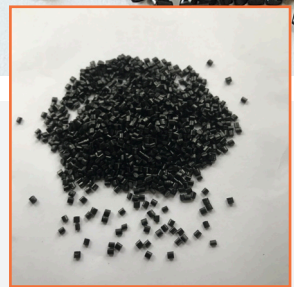
HIPS & HIPS PHỨC HỢP

Hạt nhựa HIPS là viết tắt của từ High Impact Polystyrene, là dòng hạt nhựa nhiệt dẻo thuộc nhóm nhựa cứng, trong suốt, dễ tạo máy. Được gia công bằng phương pháp cán màng hút định hình và công nghệ ép một cách khá đơn giản.

HIPS & HIPS COMPOUND

HIPS (High Impact Polystyrene), also known as PS (Polystyrene), is an amorphous thermoplastic material, used in lower heat applications. It is categorized as a standard material, and offers ease of processing, high impact strength, and stiffness.

”



Đặc điểm:

- Sở hữu năng lượng thấp và chịu được nhiều Hydrocarbons, Xeton, chất béo. Thậm chí là chất nhiều béo, hòa tan cực kỳ tốt trong hương liệu.
- Có khả năng cách điện cực kỳ tốt, cách nhiệt tần số cao rất tốt, kháng hồ quang vô cùng hiệu quả.
- Là vật liệu có độ trong suốt siêu cao, bề mặt bóng nên rất dễ in ấn.
- Có khả năng tự nhuộm màu, không hôi, không mùi, không chứa chất độc hại, không cho vi khuẩn sinh trưởng.

Features:

- *Possessing low energy and tolerant of many Hydrocarbons, Ketones, fats. Even a high fat, extremely well soluble in flavoring.*
- *Has extremely good electrical insulation, very good high frequency insulation, extremely effective arc resistance.*
- *It is a super transparent material with a glossy surface, so it is easy to print.*
- *Capable of self-colouring, no odor, no toxic substances, no growth of bacteria.*



Ứng dụng phổ biến:

- Trong công nghệ thực phẩm: cốc sữa chua, khay hộp đựng bánh kẹo...
- Trong công nghệ đóng gói được dùng làm bao bì một lớp đối với những sản phẩm không yêu cầu chống oxy hóa nghiêm ngặt.
- Làm nắp chai, vỏ bút, hộp nữ trang, kết bia, hộp đựng thực phẩm tươi sống.
- Làm chai lọ dược phẩm, ống dẫn, nắp thùng chứa dung môi.
- Làm vật liệu cách điện tần số cao, vật kẹp cách điện.
- Làm dép giả da, bao bì dệt.
- Ép mặt bàn ghế học sinh, ép chi tiết xe máy, cốc sữa chua, khay nhựa đựng bánh kẹo.
- Lĩnh vực điện tử: ép khay linh kiện điện tử, lĩnh vực khác như: ép mặt bàn ghế cho học sinh, ép các chi tiết trong xe máy...

Application:

- *In food technology: cups of yogurt, trays of candy boxes...*
- *In packaging technology used as single-layer packaging for products that do not require strict anti-oxidation.*
- *Making bottle caps, pen cases, jewelry boxes, beer cases, fresh food containers.*
- *Make pharmaceutical bottles, tubes, lids for solvent containers.*
- *Making high frequency insulating materials, insulating clamps.*
- *Making imitation leather sandals, woven packaging.*
- *Pressing student desks and chairs, pressing motorcycle details, yogurt cups, plastic trays for confectionery.*
- *Electronics field: pressing trays of electronic components, other fields such as pressing tables and chairs for students, pressing details in motorbikes...*

PC COMPOUND

Nhựa PC là tên viết tắt của tên tiếng Anh Polycarbonate. Đại diện cho loại nhựa nhiệt dẻo vô định hình, trong suốt và có hiệu suất cao. Sở hữu những tính chất đặc trưng như chịu được lực tốt, tính ổn định cao. Cùng những đặc tính về điện ưu việt hơn so với các loại nhựa khác.

PC COMPOUND

PC - Polycarbonate. Represents amorphous, transparent and high-performance thermoplastics. Possessing characteristic properties such as good bearing capacity, high stability. With superior electrical properties compared to other plastics.



NHỰA KỸ THUẬT PC

POLYCARBONATE COMPOUND



Đặc tính:

- Độ bền và khả năng chống va đập tốt
- Đặc tính quang học tuyệt vời
- Khả năng chịu nhiệt và kháng hóa chất đa dạng
- Độ cứng cao và kích thước ổn định
- Khả năng chống ăn mòn và mài mòn vô cùng hiệu quả
- Khả năng ổn định nhiệt tốt, Hình thức đẹp, Có tính ứng dụng cao

Ứng dụng phổ biến:

- Trong ngành gia dụng, nó được dùng nhiều để làm tủ lạnh, điều hòa, máy pha cà phê, máy giặt, máy sấy tóc, bàn là...
- Các loại kính bảo hộ, kính râm, kính che mặt ...
- Trong y khoa: dụng cụ phẫu thuật, màng lọc máu, bình chứa máu ... và một số linh kiện kim loại có thể được thay thế bởi nhựa PC.
- Các loại hộp đựng thực phẩm

Features:

- *Good durability and impact resistance*
- *Excellent optical properties*
- *Wide range of heat and chemical resistance*
- *High rigidity and stable size*
- *Extremely effective resistance to corrosion and wear*
- *Good thermal stability, Beautiful appearance, High applicability*

Application:

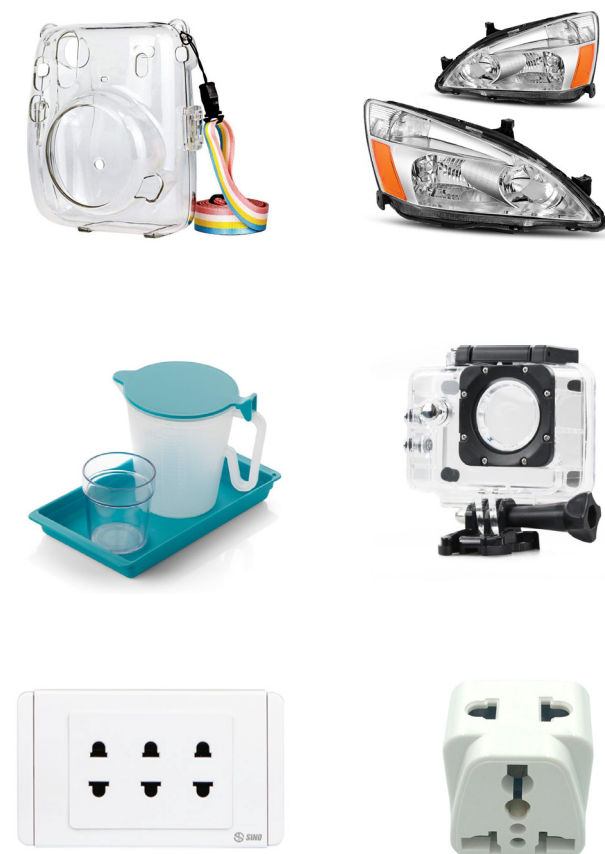
- *In the household industry, it is widely used to make refrigerators, air conditioners, coffee makers, washing machines, hair dryers, irons, etc.*
- *Types of safety glasses, sunglasses, visors...*
- *In medicine: surgical instruments, dialysis membranes, blood vessels ... and some metal components can be replaced by PC plastic.*
- *Types of food containers*

Các hợp chất PC có độ bền, độ cứng cao hơn và có thể chịu được nhiệt độ cao. Có nhiều option cho bạn lựa chọn:

- PC tổng hợp – GF: 20-30% GF
- Hợp chất PC V0 – PC 5VA
- Hợp chất PC-ABS – TALC: 20-30% Talc

PC compounds are higher strength, rigidity and can endure high temperatures. There are many options for you to choose:

- *Compound PC – GF: 20-30% GF*
- *Compound PC V0 – PC 5VA*
- *Compound PC-ABS – TALC: 20-30% Talc*



PC-GF; PC-GB /PC GIA CƯỜNG THỦY TINH

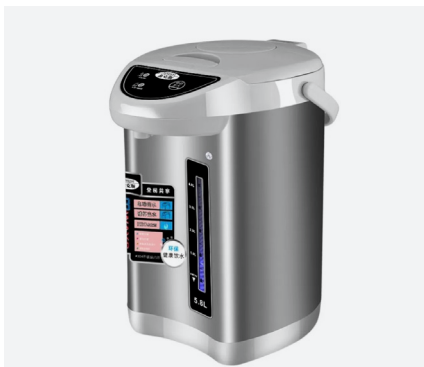
PC-GF; PC-GB (PC GLASS FIBER COMPOUND; PC GLASS BEAD COMPOUND)

- Đặc điểm:**
PC-GF; PC-GB là Hạt nhựa kỹ thuật gia cường sợi/hạt thủy tinh từ 10-30% trên nền nhựa PC có khả năng:
- Tăng độ cứng bề mặt
 - Kháng va đập tốt
 - Tính chất nhiệt tốt
 - Chịu tác động cao
 - Độ bền tốt
 - Tính ổn định và độ chính xác kích thước
 - Phạm vi nhiệt độ hoạt động rộng: từ nhiệt độ thấp -40° ~ 120°
 - Độ trong suốt và tinh khiết tuyệt vời

- Ứng dụng phổ biến:**
- Đồ gia dụng: như vỏ thiết bị máy ảnh, máy làm bánh mì, máy hút bụi, vỏ điện thoại, dụng cụ điện, phích cắm, ổ cắm ... bình bú, chai nước, hộp đèn, kính mát.
 - Lĩnh vực ô tô: bảng điều khiển xe, các bộ phận trang trí bên trong ô tô, đèn pha, đèn sương mù, đèn hậu tay lái ...

- Features:**
PC-GF; PC-GB are Engineering plastic/Technical plastic, 10-30% Glass Fiber/Bead reinforced PC; which are higher strength, rigidity and can endure high temperature, Therefore, it helps to give PC resin base the following additional properties:
- Increased surface hardness
 - Good impact resistance
 - Good thermal properties
 - High impact resistance
 - Good durability
 - Stability and dimensional accuracy
 - Wide operating temperature range: from low temperature -40°~120°
 - Excellent transparency and purity

- Application:**
- Household items: such as camera equipment cases, bread machines, vacuum cleaners, phone cases, power tools, plugs, sockets... feeding bottles, water bottles, light boxes, sunglasses.
 - Automotive field: car dashboard, car interior decoration parts, headlights, fog lights, steering wheel tail lights...



NHỰA KỸ THUẬT PC/ABS
PC/ABS COMPOUND

- Đặc điểm:**
PC/ABS có các đặc tính toàn diện của cả PC và ABS. Chẳng hạn như quá trình dễ dàng của ABS và các tính chất cơ học tuyệt vời và độ ổn định nhiệt của PC. Pha trộn từ vật liệu PC và ABS theo các yêu cầu hiệu suất nhất định. Loại Hạt Nhựa này có ưu điểm của PC và ABS, và bổ sung cho nhau, các thiếu sót của cả hai như:
- Khả năng tạo khuôn của vật liệu ABS và tính chất cơ học của PC, chống tia cực tím...
 - Chịu được tải trọng lớn trong thời gian dài mà không biến dạng, chịu va đập không nứt, màu sắc ổn định, nhuộm màu khó.
 - Hạt nhựa hợp kim PC/ABS thông thường sẽ có độ bóng cao màu trắng, sáng bề mặt rất tốt, nhiệt độ biến dạng nhiệt PC / ABS tinh khiết là 80 độ C, Khi thêm sợi thủy tinh gia cố có thể đạt tới 120 độ C, mô đun uốn của nó có thể đạt tới hơn 6500MPa.
 - Vật liệu PC/ABS có khả năng chống cháy và chống mài mòn. Chống oxy hóa.

- Ứng dụng phổ biến:**
- Trong lĩnh vực vật dụng thực phẩm: Bôi không tạo ra phản ứng hóa học và kết tủa của vật liệu được thêm vào khi tiếp xúc với thực phẩm.
 - Trong lĩnh vực công nghiệp: cơ khí, dụng cụ đo, thiết bị điện, giao thông vận tải, khung chịu lực, bánh răng, vỏ hộp thiết bị, máy tính tay và công cụ đo chính xác, nắp hộp đồ chơi điện, phụ kiện xe đạp, xe hơi, thiết bị chụp ảnh, máy in, máy quét, thiết bị điện, kết nối máy tính, linh kiện điện tử...
 - Ứng dụng trong sản xuất các thiết bị chống chịu được thời tiết: có thể thay đổi các đặc tính lão hóa của PC / ABS dưới ánh sáng mặt trời, tia cực tím, tia UV...
 - Thiết bị gia dụng: Linh kiện tivi, vỏ trước hoặc sau của màn hình tivi, loa, VCD, máy điều hòa...Cùng một số đồ gia dụng nhà bếp khác.
 - Ngoài ra, nó còn được sử dụng làm một số đồ chơi phát triển trí tuệ, thông tin liên lạc...



- Features:**
PC/ABS is a compound of polycarbonate and acrylonitrile - butadiene - styrene copolymer. PC/ABS has ABS' formability and PC's mechanical resistance, impact strength, heat-resistance, resistance to ultraviolet (UV) and other features. This kind of Engineering plastic has the advantages of PC and ABS, and complements each other, the shortcomings of both such as:
- The moldability of ABS material and the mechanical properties of PC, UV resistance...
 - Withstand large loads for a long time without deformation, impact resistance without cracking, stable color, difficult dyeing.
 - Ordinary PC/ABS alloy plastic beads will have white high gloss, very good surface brightness, pure PC/ABS heat deformation temperature is 80 degrees Celsius, When adding glass fiber reinforcement can reach 120 degrees Celsius, its bending modulus can reach more than 6500MPa.
 - PC/ABS material is flame retardant and wear resistant. Antioxidant.

- Application:**
- In the field of food items: By not creating a chemical reaction and precipitation of the added material when in contact with food.
 - In the field of industry: mechanics, measuring instruments, electrical equipment, transportation, bearing frames, gears, equipment boxes, calculators and precision measuring tools, electric toy box covers, accessories for bicycles, cars, photographic equipment, printers, scanners, electrical equipment, computer connections, electronic components...
 - Application in the manufacture of weatherproof devices: can change the aging properties of PC/ABS under sunlight, ultraviolet, UV rays...
 - Household appliances: TV components, front or rear covers of TV screens, speakers, VCDs, air conditioners, etc. Along with some other kitchen appliances.
 - In addition, it is also used as some intellectual development toys, communication ...



PC/ABS MF – Y TẾ

PC/ABS MF (PC/ABS IN MEDICAL FIELD)

PC/ABS cấp y tế rất đa dạng với tính ổn định hóa học và an toàn sinh học. Nó sẽ không kết tủa các thành phần có hại vào chất lỏng y tế hoặc cơ thể người khi sử dụng thiết bị y tế.

Medical grade PC/ABS is varied with chemical stability and biosafety. It will not precipitate harmful ingredients into medical fluids or the human body when using the medical device.



PC/ABS THỰC PHẨM

PC/ABS IN VICTUALS

PC/ABS cấp thực phẩm có nhiều điểm tương đồng với vật liệu cấp y tế, chủ yếu là do nó không tạo ra phản ứng hóa học và kết tủa của vật liệu được thêm vào khi tiếp xúc với thực phẩm. Nó có thể chịu được các phản ứng hàng ngày như dầu axit và kiềm và có thể được sử dụng trong bát khử trùng hàng ngày.

Food-grade PC/ABS shares many similarities with medical-grade materials, mainly because it does not produce chemical reactions and precipitates of the added material in contact with food. It can withstand everyday reactions such as acid and alkaline oils and can be used in everyday disinfecting bowls.

PC/ABS CÔNG NGHIỆP

PC/ABS IN MANUFACTURING INDUSTRY

Nhựa PC/ABS dùng trong ngành công nghiệp sản xuất là một loại mới thường được cải tiến theo một tỷ lệ nhất định của hai loại nhựa PC và ABS khác nhau. Nó có những ưu điểm của PC và ABS, và bổ sung cho các điểm yếu của nhau. Nó đã trở thành một loại mới thuận lợi hơn cho sản xuất công nghiệp. Vật liệu, được sử dụng rộng rãi trong các thiết bị sống và công cụ sản xuất, có những lợi thế không thể thay thế. Các ứng dụng chính là đồ chơi trẻ em, đồ gia dụng, đồ điện tử, v.v.

PC/ABS plastic used in the manufacturing industry is a new type that is usually improved with a certain ratio of two different types of PC and ABS plastic. It has the advantages of PC and ABS, and complements each other's weaknesses. It has become a new type more favorable for industrial production. The material, which is widely used in living equipment and production tools, has irreplaceable advantages. The main applications are children's toys, home appliances, electronics, etc



PC/ABS CHỐNG UV

PC/ABS UV (PC/ABS GLASS FIBER COMPOUND)

Weatherproof PC/ABS can change the aging properties of PC/ABS under sunlight, ultraviolet, UV rays, etc. by adding anti-UV agent on resin base, which has effect anti-yellowing, not brittle, not cracked, Can adapt to the needs of long-term outdoor and special environment work. Mainly used in products such as car interiors, lighting fixtures and outdoor public facilities.

PC/ABS chịu thời tiết có thể thay đổi các đặc tính lão hóa của PC / ABS dưới ánh sáng mặt trời, tia cực tím, tia UV, v.v ... bằng cách thêm chất chống tia cực tím trên cơ sở nhựa, có tác dụng chống vàng, không bị giòn, không bị nứt, Có thể thích ứng với nhu cầu làm việc ngoài trời và môi trường đặc biệt lâu dài. Chủ yếu được sử dụng trong các sản phẩm như nội thất xe hơi, thiết bị chiếu sáng và các cơ sở công cộng ngoài trời.



NHỰA KỸ THUẬT PA6/PA66/PA46/PA12

PA6/PA66/PA46/PA12 COMPOUND

Là một loại nhựa xây dựng không chỉ có độ bền và độ dẻo dai, độ cứng cao mà còn có độ bền nhiệt và kháng hóa chất rất tốt. Độ ổn định tốt trong phản ứng với các hợp chất dầu khác nhau và cho thấy hiệu suất tuyệt vời, tính chất điện tốt. Ứng dụng trong lĩnh vực điện, điện tử, ô tô, viễn thông, cơ khí công trình, dụng cụ thể thao ...

Polyamide 6 (PA6) còn được gọi là Nylon 6 hoặc polycaprolactam. Nó là một trong những polyamit được sử dụng rộng rãi nhất trên toàn cầu. Nó được tổng hợp bằng phản ứng trùng hợp mở vòng của caprolactam. Điểm nóng chảy của polyamit 6 là 223 ° C.

Trong khi, Polyamide 66 (PA66) hoặc Nylon 66 là một trong những loại nhựa nhiệt dẻo kỹ thuật phổ biến nhất và chủ yếu được sử dụng để thay thế kim loại trong các ứng dụng khác nhau. Nylon 66 được tổng hợp bằng cách trùng ngưng hexametylenđiamin và axit adipic (hai monome mỗi loại chứa 6 nguyên tử cacbon). Điểm nóng chảy của polyamit 66 là 255 ° C.

Đặc tính sản phẩm:

- Độ cứng và độ dẻo cao
- Độ ổn định nhiệt và độ chính xác về kích thước
- Chống chịu khí hậu tốt
- Khả năng hòa tan tốt và kháng hóa chất
- Hiệu ứng bề mặt tốt, dễ tạo hình

Product characteristics:

- High hardness and ductility
- Thermal stability and dimensional accuracy
- Good climate resistance
- Good solubility and chemical resistance
- Good surface effect, easy to form

Ứng dụng sản phẩm:

- Công nghiệp / máy móc: sản xuất dụng cụ điện, bánh răng, ống cuốn, khung động cơ, ổ trục, máy nước nóng, máy bơm, cánh quạt, ngư cụ, công tắc điện-điện tử, cáp kết nối...
- Lĩnh vực ô tô: buồng nước làm mát ô tô, nắp kết nước, nắp động cơ, cánh quạt, bể phốt, thiết bị lọc nước, hộp số động cơ, hộp số điện trở ...

It is a construction plastic that not only has high strength and toughness, high hardness, but also has excellent thermal stability and chemical resistance. Good stability in response to various oil compounds and shows excellent performance, good electrical properties. Applied in the fields of electricity, electronics, automobiles, telecommunications, mechanical works, sports equipment...

Polyamide 6 (PA6) is also known as Nylon 6 or polycaprolactam. It is one of the most extensively used polyamides globally. It is synthesized by ring-opening polymerization of caprolactam. Melting point of polyamide 6 is 223°C.

While, Polyamide 66 (PA66) or Nylon 66 is one of the most popular engineering thermoplastics and is majorly used as a replacement to metal in various applications. Nylon 66 is synthesized by polycondensation of hexamethylenediamine and adipic acid (two monomers each containing 6 carbon atoms). Melting point of polyamide 66 is 255°C.



Product Application:

- Industry/machinery: manufacture of power tools, gears, spools, motor frames, shaft bearings, water heaters, pumps, impellers, fishing gear, electrical-electronic switches, connecting cables...
- Automotive field: car cooling water chamber, water tank cover, engine cover, propeller, sump, water filter device, engine gear, resistive gearbox...

PA6/66 FR - HẠT NHỰA PA6/66 CHỐNG CHÁY

A6/66 FR - FLAME RETARDANT PA6/66 PLASTIC BEADS

- Màu sắc: Theo yêu cầu của khách hàng (dựa trên mã màu # Pantone)
- Ưu điểm: Chịu nhiệt độ cao, độ bền cao
- Ứng dụng: Dùng để sản xuất các thiết bị, dụng cụ tự động hóa, chân ghế, đầu nối ...

- Color: According to customer's request (based on Pantone# color code)
- Advantages: High temperature resistance, high strength
- Application: Used to produce automation equipment, tools, chair legs, connectors...



NHỰA PA6/66 GIA CƯỜNG SỢI THỦY TINH

PLASTIC PA6/66 GF - GLASS FIBER



Chất liệu: Hạt nhựa PA6/66 gia cường sợi thủy tinh 10 - 50%

- **Màu sắc:** Theo yêu cầu của khách hàng (dựa trên mã màu Pantone)
- **Ưu điểm:** Chịu được nhiệt độ cao
- **Đặc tính:** Tính năng cơ học cải thiện đáng kể độ cứng tốt, ổn định kích thước, cải thiện nhiệt độ nóng chảy.

Ngoài ra, nó có khả năng chống mài mòn, kháng hóa chất ổn định, độ hút nước thấp, độ phủ bề mặt tốt.

- **Ứng dụng:** Có thể thay thế kim loại cho các linh kiện cơ khí có độ cách điện cao, chịu dầu, chịu mài mòn tốt như: phụ tùng ô tô, bu lông, bánh răng, trục, thanh trượt, cuộn dây, công tắc điện, điện tử, vỏ máy sấy tóc, câu cá, hộp đồ chơi điện tử ...



PA6 - POLYAMIDE 6 COMPOUND

PA6 - POLYAMIDE 6 COMPOUND

Thông số kỹ thuật chính:

Các tính năng chính của ABM PA6 COMPOUND là:

- Tính chất cơ học tuyệt vời (mô đun và tải trọng)
- Chống va đập cao
- Khả năng chống dung môi hữu cơ tuyệt vời
- Chống mài mòn và mỏi cao ngay cả ở nhiệt độ cao
- Dễ dàng gia công và đúc khuôn

Polyamide 6 là vật liệu hút ẩm cao do đó cần phải làm khô trước khi xử lý.

Main specifications:

ABM PA6 COMPOUND main features are:

- Excellent mechanical properties (modulus and load)
- High impact resistance
- Excellent resistance to organic solvents
- High wear and fatigue resistance even at high temperatures
- Easy processability and moulding

Polyamide 6 is a highly hygroscopic material therefore it is necessary a drying phase before processing.



Các ứng dụng:

NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ô TÔ

Các bộ phận và cấu kiện bên dưới, bảng điều khiển bên ngoài, cấu kiện chịu lực

THIẾT BỊ GIA DỤNG

Vỏ bọc cho các thiết bị gia dụng nhỏ

ĐIỆN & ĐIỆN TỬ

Các thành phần ECU, giá đỡ bóng đèn, các bộ phận cấu trúc và vỏ bọc, các khớp nối và phích cắm điện, bảng đầu nối của giá đỡ cầu chì

THỂ THAO & GIẢI TRÍ

Các bộ phận của ủng trượt tuyết, con lăn, v.v.

Applications:

AUTOMOTIVE

Under-the-hood parts and componenets, outer panels, bearing components

HOUSEHOLD APPLIANCES

Casings for small household appliances

ELECTRICAL & ELECTRONIC

ECU components, bulb-holders, structural and covering parts, electrical joints and plugs, fuse-holder terminal boards

SPORT & LEISURE

Parts of ski boots, rollers etc.

PA6/HB - POLYAMIDE 6 GIA CƯỜNG HẠT CÁCH NHIỆT MICROSPHERES

PA6/HB - HOLLOW GLASS MICROSPHERES REINFORCED POLYAMIDE 6

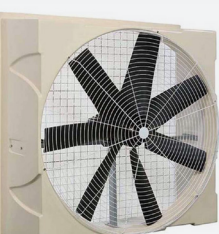


Thông số kỹ thuật chính:

- Giảm trọng lượng từ -9% đến -30%
- Độ cứng từ + 13% đến + 179%
- Lớp HB / GF hỗn hợp, tác động từ + 20% đến + 218%
- Giảm thời gian làm mát
- Giảm nhiệt độ 1,1°C trên mỗi 1% vi cầu
- Giảm thời gian chu kỳ từ 8% xuống 37%
- Độ ổn định kích thước tuyệt vời
- Tính linh hoạt và tiềm năng tùy biến tuyệt vời
- Hỗ trợ kỹ thuật trong giai đoạn đầu ép phun

Main specifications:

- Weight reduction from -9% to -30%
- Stiffness from +13% to +179%
- Mixed HB/GF grades, an impact from +20% to +218%
- Reduction of cooling times
- Reduction of temperature by 1.1 °c per each 1% microspheres
- Reduction of cycle times from 8% to 37%
- Excellent dimensional stability
- Excellent versatility and customization potential
- Technical support during injection moulding initial phase



NHỰA KỸ THUẬT PBT & POM

PBT & POM COMPOUND



PBT

POLY BUTYLENE TEREPHTHALATE

PBT - Poly butylene Terephthalate là một loại polymer kỹ thuật nhiệt dẻo được sử dụng làm chất cách điện trong ngành công nghiệp điện và điện tử. Nó là một loại polymer tinh thể nhiệt dẻo và một loại polyester. PBT có khả năng chống lại các dung môi, co lại rất ít trong quá trình hình thành, mạnh về mặt cơ học. Hạt nhựa còn có đặc tính độ cứng cao, chịu nhiệt độ, hàm lượng carboxyl thấp và bề mặt đẹp.

Đặc tính:

Hạt nhựa PBT có độ bền cao, chịu va đập cực tốt, chịu ma sát và chống mài mòn rất tốt. Hạt nhựa có hệ số co giãn nở nhiệt thấp, khó cong vênh. PBT có tính cứng tốt, dù tỉ lệ co rút lớn nhưng kích thước vẫn ổn định.



COMPOUND

PBT chủ yếu đc gia cường với sợi thủy tinh hoặc bột thủy tinh với tỉ lệ từ 15-30%.

COMPOUND

PBT is mainly reinforced with glass fiber or glass powder with a ratio of 15-30%.



PBT - Poly butylene Terephthalate is a thermoplastic engineering polymer used as an insulator in the electrical and electronic industries. It is a thermoplastic crystalline polymer and a polyester. PBT is resistant to solvents, shrinks very little during formation, and is mechanically strong. Plastic beads also have the characteristics of high hardness, temperature resistance, low carboxyl content and beautiful surface.

Features:

PBT plastic have high strength, extremely good impact resistance, very good friction and wear resistance. Plastic beads have low coefficient of thermal expansion, difficult to warp. PBT has good rigidity, although the shrinkage rate is large, the size is still stable.



Ứng dụng

THIẾT BỊ GIA DỤNG

Nhờ tính năng linh hoạt hạt nhựa PBT được dùng trong sản xuất các thiết bị gia dụng. Đặc biệt là các thiết bị đòi hỏi độ bền, chịu tác động, liên quan đến nhiệt độ cao hoặc liên quan đến điện, Bạn có thể thường thấy trong các thiết bị và dụng cụ cầm tay nhỏ. Các ứng dụng điển hình như lưỡi chế biến thực phẩm, linh kiện máy hút bụi, quạt điện, vỏ máy, máy sấy tóc, hộp đựng cà phê...

LINH KIỆN ĐIỆN

Với tính chất độ bền cao, chịu va đập tốt, cách điện và có thể kháng hóa chất tốt thì hạt nhựa PBT đã được ứng dụng trong sản xuất các linh kiện điện. Như công tắc, vỏ động cơ, hộp cầu chì, bàn phím máy tính...

NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ô TÔ

Với tính chất cơ học tuyệt vời cộng thêm khả năng cách điện và ổn định nhiệt rất tốt, còn có khả năng chịu được áp lực nhiệt và chịu được môi trường hóa chất khắc nghiệt. PBT có thể được tìm thấy trong cả các bộ phận bên ngoài và bên trong của ô tô. Như lưới tản nhiệt, vỏ bánh xe, cửa ra vào, và các thành phần của sổ...

Application

HOUSEHOLD APPLIANCES

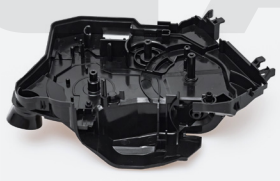
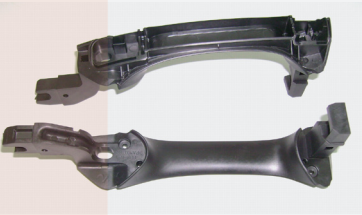
Thanks to the versatility of PBT resins, it is used in the production of household appliances. Especially those that require durability, are subject to impact, involve high temperatures or involve electricity, You can often find them in small hand tools and appliances. Typical applications are food processing blades, vacuum cleaner components, electric fans, machine covers, hair dryers, coffee containers, etc.

ELECTRICAL COMPONENTS

With the properties of high strength, good impact resistance, electrical insulation and good chemical resistance, PBT plastic beads have been applied in the production of electrical components. Such as switches, motor covers, fuse boxes, computer keyboards, etc.

AUTOMOTIVE INDUSTRY

With excellent mechanical properties plus excellent electrical insulation and thermal stability, it is also capable of withstanding thermal stress and harsh chemical environments. PBT can be found in both the exterior and interior parts of automobiles. Like grilles, wheel covers, doors, and window components...





POM
POLYOXYMETHYLENE



ỨNG DỤNG

POM có độ bền và trọng lượng nhẹ. Nó thường được sử dụng để thay thế các kim loại màu như đồng, kẽm, thiếc và chì. POM được sử dụng rộng rãi trong máy móc, ô tô, thiết bị điện tử, nhu yếu phẩm hàng ngày, đường ống và phụ kiện, dụng cụ chính xác và vật liệu xây dựng. Nhựa kỹ thuật đa năng POM có ưu điểm về độ bền cơ học cực cao, khả năng chống rạn nứt và chống mài mòn, kháng hóa chất, chống thấm nước và hóa chất, và được sử dụng rộng rãi trong ô tô, kỹ thuật điện / sản phẩm điện tử , Ánh sáng, đồ gia dụng, thiết bị thể thao / giải trí, vật tư công nghiệp và các lĩnh vực khác.



POM là tên viết tắt của Polyoxymethylene còn được gọi là acetal, polyacetal và polyformaldehyde, là một loại nhựa nhiệt dẻo kỹ thuật được sử dụng trong các bộ phận chính xác đòi hỏi độ cứng cao, ma sát thấp và độ ổn định kích thước tuyệt vời. Cũng như nhiều polyme tổng hợp khác, nó được sản xuất bởi các công ty hóa chất khác nhau với các công thức hơi khác nhau và được bán với nhiều tên khác nhau như Delrin, Celcon, Ramtal, Duracon, Kepital và Hostaform. POM được đặc trưng bởi độ bền, độ cứng và độ cứng cao đến -40 °C. POM về bản chất có màu trắng đục, do thành phần tinh thể cao, nhưng nó có đủ màu.

POM is an abbreviation for Polyoxymethylene also known as acetal, polyacetal and polyformaldehyde, is an engineering thermoplastic used in precision parts requiring high stiffness, low friction, and excellent dimensional stability. As with many other synthetic polymers, it is produced by different chemical firms with slightly different formulas and sold variously by such names as Delrin, Celcon, Ramtal, Duracon, Kepital and Hostaform. POM is characterized by its high strength, hardness and rigidity to -40 °C. POM is intrinsically opaque white, due to its high crystalline composition, but it is available in all colors.

APPLICATION

POM is durable and lightweight. It is commonly used to replace non-ferrous metals such as copper, zinc, tin and lead. POM is widely used in machinery, automobiles, electronics, daily necessities, pipes and fittings, precision instruments and construction materials. POM general purpose engineering plastic has the advantages of extremely high mechanical strength, crack resistance and wear resistance, chemical resistance, water and chemical resistance, and is widely used in automotive, engineering electrical / electronic products, Lighting, home appliances, sports / entertainment equipment, industrial supplies and other fields.

A=M | DANH MỤC SẢN PHẨM
LIST OF PRODUCTS

TYPE OF PLASTICS	ITEM CODE	DESCRIPTION	TYPE OF PLASTICS	ITEM CODE	DESCRIPTION
ABS	ABSGF20	Compound ABS 20%GF	PP	C32GF10	Compound PC 10%GF
	SB22G30	Compound ABS 30%GF		144PPGF15	Compound PP 15%GF
	2171C-ABS	Compound ABS Blue		PP20C	Compound PP 20% CaCO3
	ABS075V0	Compound ABS Flame retardant		KCT 20	Compound PP 20% Talc
	ABS953GR	Compound ABS Green		KHG20	Compound PP 20%GF
	ABS953ORG	Compound ABS Orange		PCB25	Compound PP 25% BaSO4
PA6	392ABWP	Compound ABS Porcelain White	PC	PP30C	Compound PP 30% CaCO3
	PA28SB	Compound PA ABS		KCT30	Compound PP 30% Talc
	PA22P	Compound PA PP		KCG30	Compound PP 30%GF
	A02GF10	Compound PA6 10%GF		BM16G30V0	Compound PP 30%GF Flame retardant
	A02GF20	Compound PA6 20%GF		PP40C	Compound PP 40% CaCO3
	A02GF30	Compound PA6 30%GF		KCT40	Compound PP 40% Talc
	A02GF40	Compound PA6 40%GF		KCG40	Compound PP 40%GF
	A6BL	Compound PA6 Black	PC/ABS	C32GF20	Compound PC 20%GF
PA66	A02V0	Compound PA6 Flame retardant		C32GF30	Compound PC 30%GF
	A02GF10	Compound PA66 10%GF		C32V0	Compound PC Flame retardant
	C32GF20	Compound PA66 20%GF	Other	C33SBG20	Compound PC/ABS GF
	A06GF30	Compound PA66 30%GF		C33SBV0	Compound PC/ABS Flame retardant
	C32GF40	Compound PA66 40%GF			
	A66BL	Compound PA66 Black			
	PA66V0	Compound PA66 Flame retardant			
				BTGF30-01	Compound PBT 30%GF Black
				BTGF30-05	Compound PBT 30%GF Gray
				HIPS035	Compound HIPS Black
				S22V0	Compound HIPS Flame retardant



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ BÌNH MINH

📍 KCN Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, TP Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình

☎ 0229 383 6555 ✉ sales@abmchemical.com 🌐 abmchemical.com